

Bản án số: 575/2018/HCPT

Ngày: 16/11/2018

V/v: Khiếu kiện quản lý về đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Huy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 61/2018/TL-PT ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quản lý về đất đai” do có kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện G đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2017/HCST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 7339/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1960 và bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1962; đều trú tại: Thôn A, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương; bà Đ ủy quyền cho ông H, ông H vắng mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trung Z Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ nơi làm việc: Thị trấn Kẽ Sặt, huyện G, tỉnh Hải Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương - Ông Nguyễn Trung Z. Địa chỉ nơi làm việc: Thị trấn S, huyện G, tỉnh Hải Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G: ông Lương Đức C-Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G (Theo Văn bản số 473/UBND-VP ngày 09/10/2018), có mặt.

- Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Đức Y; Địa chỉ nơi làm việc: Số 45 Q, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 21/02/2008, UBND huyện G ban hành Quyết định số 591/QĐ-UBND về việc thu hồi 12.435,34m² tại ba xã V, K, H, huyện G giao cho ban quản lý các dự án giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương để nâng cấp, cải tạo đường 394 (đoạn từ Km10+500 đến Km13+700). Trong đó, có hộ gia đình ông Vũ Xuân H và bà Trịnh Thị Đ bị thu hồi 58,95m².

Ngày 25/12/2008, UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 4967/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để cải tạo, nâng cấp đường 394.

Ngày 14/12/2010, UBND huyện G ban hành quyết định thu hồi 18,48m² đất của 27 hộ nằm ngoài phạm vi 6,25m tính từ tim đường 394 (141 hộ còn lại có diện tích bị thu hồi nằm trong phạm vi 6,25m tính từ tim đường nên UBND huyện không ban hành quyết định thu hồi đất). Hộ gia đình ông H và bà Đ không nhận được quyết định thu hồi đất 53,65m²; chỉ nhận được quyết định thu hồi đối với diện tích 5,3m².

Ngày 16/12/2010, UBND huyện G ban hành Quyết định số 2869/QĐ-UBND phê duyệt chi tiết phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung, trong đó bồi thường 18,48m² đất ở của 27 hộ nằm ngoài phạm vi 6,25m tính từ tim đường.

Theo ông Vũ Xuân H và bà Trịnh Thị Đ: Diện tích đất mà ông bà đang quản lý, sử dụng gồm 03 thửa đất, tuy nhiên trong đó chỉ có 2 thửa bị thu hồi 1 phần đất bao gồm. Thửa thứ nhất là thửa số 99, diện tích 158m² thuộc mặt đường phía Bắc của đường 394, có nguồn gốc đất là trước đây của bà Vũ Thị E được cấp vào năm 1965, bà Quý cho con trai là Vũ Hồng F, sau đó anh F bán cho ông Vũ Đình Tuyền. Năm 1994, thì ông Tuyền đã bán cho ông và em gái ông là bà Vũ Thị Hằng mỗi người 78,3 m²; năm 1999, bà Hằng đã bán lại cho vợ chồng ông 78,3m² nên diện tích đất hiện tại mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng là thửa số 99, diện tích 158m². Thửa thứ hai là thửa số 109, diện tích 69 m² thuộc mặt đường phía Đông của đường 394 (phía bờ sông). Thửa đất này có nguồn gốc của bà Vũ Thị E được cấp vào năm 1965, sau đó bà Quý cho con trai là Vũ Hồng F, đến năm 2003 anh F đã bán cho ông bà 40 m², diện tích đo hiện tại là 69 m² (Theo biên bản họp hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất của UBND xã K xác nhận thửa đất này hiện tại có diện tích 159m² là chưa chính xác, sau đó UBND xã đã có xác nhận lại về diện tích là 69 m²). Cả hai thửa đất

này được sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1965, không có tranh chấp và được đóng thuế đầy đủ.

Để thực hiện dự án xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 394 (km10+500, km 13+700); gia đình ông bà bị thu hồi 58,95 m² đất. Tuy nhiên UBND huyện G đã không bồi thường mà chỉ hỗ trợ về đất cho gia đình ông bà với giá 50.000đ/1m² là không đúng. Ông H làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện G về việc đề nghị xem xét lại nguồn gốc đất, xem xét chiều rộng mặt đường 194, đề nghị được nhận tiền bồi thường khi thu hồi đất.

Ngày 26/3/2013, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân trong đó có hộ ông H, bà Đ.

Ông H, bà Đ tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương.

Ngày 30/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân, trong đó có hộ ông H, bà Đ.

Ngày 25/3/2015, ông Vũ Xuân H và bà Trịnh Thị Đ khởi kiện, sau đó bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương:

- Buộc UBND huyện G ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với 53,65m² của gia đình ông bà và bồi thường theo quy định của pháp luật đối với loại đất ở tại thời điểm ra quyết định thu hồi.

- Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện G liên quan việc không bồi thường đất cho hộ ông H, bà Đ.

- Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương liên quan việc không bồi thường đất cho hộ ông H, bà Đ.

Theo UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G:

Thực hiện các Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 29/3/2006; Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 21/02/2008 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt dự án, thu hồi đất phục vụ dự án cải tạo nâng cấp đường 394 (Km12+500-Km13+700) đoạn qua xã K, huyện G. UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 30/8/2006 thành lập ban giải phóng mặt bằng, đồng thời triển khai giao nhiệm vụ cho ban Ban giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã K tiến hành các quy trình về thu hồi đất như thông báo cho các hộ dân, đo đạc kiểm đếm, xác định loại đất, lập phương án đền bù, hỗ trợ việc thu hồi đất, tài sản trên đất.

Căn cứ các quy định về hành lang an toàn giao thông theo Nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982; bản đồ 299; bản xác định nguồn gốc sử dụng đất ngày 04/10/2008, ngày 06/10/2010 do UBND xã K lập, biên bản kiểm kê và

các hồ sơ quản lý, sử dụng đất thể hiện đường 194 cũ (nay là 394) qua xã K đoạn đường nhà ông H, bà Đ có chiều rộng 12,5m; diện tích 53,65m² đất thu hồi thuộc dự án chiếm dụng tiếp giáp thửa đất của ông H, bà Đ thuộc đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý, không phải đất của hộ gia đình nên UBND huyện G không ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt, không bồi thường mà chỉ hỗ trợ về đất đối với hộ ông H, bà Đ là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện G xác định việc ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 về việc giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Do đó, UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G giữ nguyên hành vi hành chính, quyết định hành chính bị khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà Đ.

Theo Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương:

Khi ông H và bà Đ có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập đoàn cán bộ tiến hành thẩm tra xác minh các quy trình thực hiện đền bù hỗ trợ khi thu hồi đất hộ gia đình ông H và bà Đ và hơn 90 hộ dân khác tại thôn M, xã K, huyện G. Căn cứ kết quả xác minh Chủ tịch UBND tỉnh xác định chiều rộng mặt đường 394 mà UBND huyện G xác định là 12,5m tuy chưa có cơ sở chính xác nhưng có lợi cho người dân nên chấp nhận phương án này, tuy nhiên tại Điều 2 của Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho UBND huyện G tiến hành rà soát lại, nếu người dân chưa có các loại giấy tờ về sử dụng đất hợp pháp nhưng họ ra ở, sử dụng trước ngày 21/12/1982 mà được thể hiện trên bản đồ 299 thì xem xét bồi thường cho họ.

Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương xác định việc ban hành Quyết định số 2687/QĐ-UBND đúng trình tự, đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2017/HCST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm b, c Điều 193 Luật TTHC; khoản 4 Điều 50, khoản 2 Điều 42 Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 6 Điều 7 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân H và bà Trịnh Thị Đ.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện G phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với diện tích 53,65 m² đất ở của hộ gia đình ông H, bà Đ để phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp đường 394 đoạn qua xã K (Km12+500 – Km13+700) huyện G.

- Ủy ban nhân dân huyện G thực hiện bồi thường cho gia đình của ông Vũ Xuân H và bà Trịnh Thị Đ 53,65 m² đất bị thu hồi theo giá đất ở theo quy định của pháp luật.

- Hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về nội dung không công nhận khiếu nại của hộ gia đình ông Vũ Xuân H.

- Hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về nội dung không công nhận khiếu nại của hộ gia đình ông Vũ Xuân H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/11/2017, UBND huyện G kháng cáo đề nghị: Giữ nguyên Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện G. Hủy yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân H và bà Trịnh Thị Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền, lợi ích của UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G trình bày: Tại Biên bản thẩm định ngày 19/9/2018 tổng diện tích gia đình ông H hiện đang sử dụng là thửa số 99 diện tích 226m², diện tích đo đạc năm 2001 là 158m², diện tích tăng thêm phía trước theo bản đồ đo 2001 là 29m²; ông H hiện đang sử dụng là thửa số 109 diện tích 106m², diện tích đo đạc năm 2001 là 69m², diện tích tăng thêm phía trước theo bản đồ đo 2001 là 23m². Từ đó, có đủ căn cứ xác định diện tích 53,65m² đất bị thu hồi không thuộc diện tích đất của gia đình ông H, mà thuộc đất hành lang giao thông, nên không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường mà chỉ hỗ trợ công vượt lập cho hộ dân sử dụng đất; đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của UBND huyện G đúng quy định của Luật tố tụng hành chính nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại Biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006 thể hiện diện tích 58,95m² (trong đó có 5,3m² có quyết định thu hồi), gia đình ông H được hỗ trợ 50.000đồng/m² là đất vượt lập; ông H đã ký vào biên bản này. Tại Biên bản thẩm định ngày 19/9/2018 đối với thửa đất ở của ông H đã xác định: So với bản đồ năm 2001 diện tích phía trước và phía sau của cả 2 thửa đất đều tăng; diện tích đất tăng phía trước giáp đường 394 là: 23m² và 29m²; diện tích đất tăng phía sau thửa đất là: 19m² và 39m². Như vậy có đủ căn cứ xác định diện tích 53,65m²

đất bị thu hồi không thuộc diện tích đất hợp pháp của gia đình ông H. Vì vậy, UBND huyện G không ra quyết định thu hồi và chỉ hỗ trợ 50.000đ/m² là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà Đ là thiếu căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính chấp nhận kháng cáo của UBND huyện G, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, nghe ý kiến trình bày của người bị kiện, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện G và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính; đối với yêu cầu khi thu hồi đất phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt và bồi thường theo giá đất ở đã được giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND. Ngày 25/3/2015, ông H và bà Đ khởi kiện là vẫn còn thời hiệu khởi kiện; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại Điều 30, 32, khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hình thức, trình tự, thẩm quyền ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND và Quyết định số 2687/QĐ-UBND:

Theo quy định của Luật đất đai, Luật khiếu nại, Luật tổ chức chính quyền địa phương thì Chủ tịch UBND huyện G và Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đảm bảo về hình thức và đúng về trình tự và thẩm quyền.

[2.2]. Xét diện tích đất bị thu hồi:

Tại Biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006 để phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp đường thì diện tích đất của hộ ông H, bà Đ mà UBND sử dụng giải phóng mặt bằng gồm 02 thửa, một thửa bị thu hồi diện tích 42,39m² và 01 thửa diện tích bị thu hồi 15,66m²; đều là đất vượt lập và ông H có ký xác nhận.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2018 đối với thửa số 99 tờ bản đồ số 04 thể hiện: từ tim đường 394 đến mép đường 394 là 3,78m; từ tim đường 394 đến diện tích đất ông H đang sử dụng là 6,26m, 5,49m, 6,28m. Tổng diện tích đất hiện gia đình ông H đang sử dụng là 226m²; bản đồ đo đạc năm 2001 diện tích là 158m²; diện tích tăng thêm phía trước theo bản đồ đo 2001 là 29m²; diện tích tăng thêm phía sau theo bản đồ đo 2001 là 39m². Đối với thửa số 109 tờ bản đồ số 04, ông H hiện đang sử dụng là diện tích 106m², diện

tích đo đạc năm 2001 là 69m², diện tích tăng thêm phía trước theo bản đồ đo 2001 là 23m², diện tích tăng thêm phía sau theo bản đồ đo 2001 là 14m². Từ đó, có đủ căn cứ xác định diện tích 53,65m² đất bị thu hồi không thuộc diện tích đất của gia đình ông H, mà thuộc đất hành lang giao thông, nên không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường mà chỉ hỗ trợ công vượt lập cho hộ dân sử dụng đất; không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Đ

Phía người bị kiện cho rằng diện tích thu hồi của hộ ông H 53,65m² thuộc công trình giao thông, không thu hồi vào đất của hộ ông H nên UBND huyện đã không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất cho hộ ông H mà chỉ hỗ trợ công bồi đắp là có căn cứ.

Như vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H cho rằng phải ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích 53,65m² đất và phải bồi thường theo giá đất ở tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 901/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện G và Quyết định số 2687/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương. Tòa án cấp sơ thẩm đã chưa đánh giá đúng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; không thẩm định hiện trạng hộ gia đình ông H đang sử dụng diện tích đất để xem xét diện tích đất gia đình ông H bị thu hồi 53,65m² là đất ở hay đất vượt lập, mà đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo của UBND huyện G và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của UBND huyện G được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Ông Vũ Xuân H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương và Chủ tịch UBND huyện G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Về chi phí thẩm định phía UBND huyện G tự nguyện chịu mọi chi phí, nên không yêu cầu người khởi kiện phải chịu chi phí thẩm định.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của UBND huyện G, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2017/HCST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã quyết định:

Bác yêu cầu buộc UBND huyện G ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt diện tích 53,65m² của ông Vũ Xuân H và bà Trịnh Thị Đ.

Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện G liên quan đến quyền và lợi ích của hộ gia đình ông H, bà Đ.

Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương liên quan đến quyền và lợi ích của hộ gia đình ông H, bà Đ.

Bác yêu cầu buộc UBND huyện G phải bồi thường cho ông H, bà Đ diện tích 53,65m² đất với giá theo quy định của pháp luật tại thời điểm bồi thường đối với loại đất ở.

Về án phí: UBND huyện G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm; hoàn trả cho UBND huyện G 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002386 ngày 08/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương và Chủ tịch UBND huyện G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Vũ Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm được đối trừ 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0003318 ngày 10/3/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường Lương Đức Chính

Lê Thị Thúy Bình

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

